

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ PTH CREATIVE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ PTH CREATIVE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PTH CREATIVE TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PTH CREATIVE.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110137293

**3. Ngày thành lập:** 03/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 74, ngõ 108 Ngọc Hà, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985161990

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Bán buôn cà phê<br>- Bán buôn chè<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Bán buôn thực phẩm khác.                                                                                                                                              | 4632     |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4633     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4651     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4652     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu | 4659        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng              | 4663        |
| 8.  | Dịch vụ đóng gói<br>(Loại trừ đóng gói bảo quản dược liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8292        |
| 9.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9511        |
| 10. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9512        |
| 11. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 6201(Chính) |
| 12. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6202        |
| 13. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                                                                  | 6209        |
| 14. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>- Cung cấp trực tuyến phần mềm (ứng dụng và cung cấp các dịch vụ ứng dụng)<br>- Cho thuê phần mềm<br>(Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                   | 6311        |
| 15. | Cổng thông tin<br>Loại trừ hoạt động báo chí<br>(Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                              | 6312        |
| 16. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí<br>(Loại trừ hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi)                                                                                                                                                                   | 6399        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>không bao gồm các dịch vụ tư vấn: tư vấn pháp luật, tư vấn<br>chứng khoán và không bao gồm hoạt động của công ty luật,<br>văn phòng luật sư);                                                                                                                                                                                                             | 7020 |
| 18. | Quảng cáo<br>Loại trừ các hoạt động, hàng hóa thuộc danh mục ngành nghề,<br>hoạt động cấm kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7310 |
| 19. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>Trừ thông tin nhà nước cấm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7320 |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7410 |
| 21. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Loại trừ hoạt động của phóng viên ảnh<br>(Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp<br>luật)                                                                                                                                                                                                                                                    | 7420 |
| 22. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa<br>được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch;<br>- Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán<br>bản quyền);<br>(Chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp<br>luật)                                                                                                            | 7490 |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản, các mặt hàng thuộc danh<br>mục hàng hóa cấm kinh doanh)                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 24. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket);<br>- Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác<br>(Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                              | 4719 |
| 25. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên<br>doanh<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và<br>các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa<br>hàng chuyên doanh | 4722 |
| 26. | In ấn<br>( Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1811 |
| 27. | Dịch vụ liên quan đến in<br>( Trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1812 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1820 |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)<br>(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                            | 4791 |
| 30. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ;<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)                                                                                                  | 4799 |
| 31. | Xuất bản phần mềm<br>(Loại trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5820 |
| 32. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Hoạt động sản xuất phim điện ảnh<br>Hoạt động sản xuất phim video<br>(Không thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)<br>(Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật)                      | 5911 |
| 33. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5912 |
| 34. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Không thực hiện hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)<br>(Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật)                                                                                          | 5913 |
| 35. | Hoạt động chiếu phim<br>(Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5914 |
| 36. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu | 7730 |
| 37. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8110 |
| 38. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8211 |

|     |                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 39. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>- Photo, chuẩn bị tài liệu<br>- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác | 8219 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức             | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HÀ VĂN KHANG | Tổ dân phố Hoàng 3, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    | 036086007895                                                                                |         |
|     |              |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |              |                                                                                    | Tổng số                   | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                                                                |                           |        |             |        |              |  |
|---|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|--|
| 2 | ĐINH VĂN TUẤN   | Tổ dân phố Phi Mô, Thị trấn Vôi, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                                                    | Cổ phần phổ thông         | 45.000 | 450.000.000 | 45,000 | 121773223    |  |
|   |                 |                                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                                                | Tổng số                   | 45.000 | 450.000.000 | 45,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                                                |                           |        |             |        |              |  |
| 3 | NGUYỄN XUÂN HUY | Phòng A2002, Chung Cư Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 45.000 | 450.000.000 | 45,000 | 036086013825 |  |
|   |                 |                                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |  |
|   |                 |                                                                                                                                | Tổng số                   | 45.000 | 450.000.000 | 45,000 |              |  |
|   |                 |                                                                                                                                |                           |        |             |        |              |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN XUÂN HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/04/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036086013825

Ngày cấp: 23/03/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 74 ngõ 108 Ngọc Hà, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng A2002, Chung Cư Stellar Garden, số 35 Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội